

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 - LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 09/2025/DS-ST

Ngày: 05- 8 - 2025

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- LÂM ĐỒNG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Minh Nhựt**;

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lê Đức Lam**;

2/ Ông **Nguyễn Thị Thuỳ Hương**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Mỹ Dung** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Phan Thị Lành** - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2054, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ĐD cũ (Số 85 đường 2/4 xã ĐD) Tòa án nhân dân Khu vực 2- Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2025/QĐXXST-ST ngày 11 tháng 7 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ma L**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số 54 Thôn KĐ, xã QL, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông **Tou Prong Đ**, sinh năm: 1986, Địa chỉ: Số 54 Thôn KĐ, xã QL, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà Ma L có mặt, ông Tou Prong Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 5 năm 2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ma L trình bày:

Bà và ông Tou Prong Đ tự nguyện yêu thương nhau và chung sống từ năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã KĐ, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng vào ngày 24/10/2018. Đến năm 2024, hai người mâu thuẫn do ông Tou Prong Đ thường xuyên uống rượu, chửi bới, xúc phạm và đánh bà. Bà đã ly thân với ông Đ hơn một năm nhưng ông vẫn không thay đổi. Nay, tình cảm đã hết, bà yêu cầu được ly hôn ông Tou Prong Đ.

Về con chung: Bà Ma L và ông Tou Prong Đ xác nhận có 01 con chung là cháu Dạ Kriêng Ma T, sinh ngày 15/10/2018. Hiện cháu đang sống cùng bà Ma L. Bà yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ma L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên tòa ông Tou Prong Đ vắng mặt nhưng trong buổi làm việc ông không đồng ý ly hôn, chỉ đồng ý về việc thỏa thuận nuôi con chung là giao cháu Ma T cho bà Ma L nuôi dưỡng nếu ly hôn, trong phiên công khai chứng cứ và hòa giải ông vắng mặt do đó Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các bên được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Lâm Đồng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Ma L và ông Tou Prong Đ được ly hôn; Về con chung giao cháu Dạ Kriêng Ma T, sinh ngày 15/10/2018 cho bà Ma L nuôi dưỡng giáo dục, ông Tou Prong Đ không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: bà Ma L và ông Tou Prong Đ không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Ý kiến của kiểm sát viên, nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về ly hôn giữa bà Ma L và ông Tou Prong Đ. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã KĐ, huyện ĐĐ (nay là xã QL) tỉnh Lâm Đồng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2- Lâm Đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Ma L và ông Tou Prong Đ đã đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 24/10/2018 tại UBND xã KĐ, huyện ĐĐ cũ. Quá trình chung sống, theo bà Ma L thì vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Tou Prong Đ thường xuyên uống rượu và chửi mắng vợ con mâu thuẫn từ đó ngày càng nặng, bất đồng mọi quan điểm trong cuộc sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung. Cả hai sống ly thân hơn 1 năm nay mặc ai nấy sống không còn quan tâm gì đến nhau.

Như vậy, việc mâu thuẫn của vợ chồng Ma L và ông Tou Prong Đ là có thật. Phía ông Tou Prong Đ cho rằng mâu thuẫn không lớn ông không đồng ý ly hôn. Xét mặc dù bản thân Tou Prong Đ vẫn còn tình cảm yêu thương bà Ma L nhưng bà Ma L không còn tình cảm, cương quyết ly hôn việc vợ chồng bà Ma L ông Tou Prong Đ

không hòa hợp, mâu thuẫn đã lâu, nhiều lần xảy ra xô xát, hiện nay vợ chồng ly thân mặc ai nấy sống. Như vậy hôn nhân giữa bà Ma L ông Tou Prong Đ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Ma L, cho bà Ma L ông Tou Prong Đ được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Ma L và ông Tou Prong Đ có 01 con chung là cháu Da Kriêng Ma Thiên, sinh ngày 15/10/2018. Bà Ma L yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Tou Prong Đ đồng ý khi ly hôn giao cháu Ma T cho bà Ma L nuôi dưỡng, giáo dục. Cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ma L không yêu cầu Tòa án giải quyết vì không có tài sản chung và nợ chung. Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Ma L đối với bị đơn ông Tou Prong Đ. Cho bà Ma L và ông Tou Prong Đ ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Da Kriêng Ma T, sinh ngày 15/10/2018, cho bà Ma L trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Ông Tou Prong Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Ma L chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ bà Ma L đã nộp theo biên lai thu số 0003058 ngày 03/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐD cũ. Ông Tou Prong Đ không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc bản án được niêm yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND Khu vực 2- Lâm Đồng;
- Phòng THADS Khu vực 2- Lâm Đồng
- UBND xã QL.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Minh Nhựt